TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 8 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Phước

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Lộc

2. Ông Nguyễn Văn Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Vũ Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Long - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 2), xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1988
Địa chỉ: Tổ D, ấp D, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là ấp D, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh)
Căn cước công dân số 0903.. cấp ngày 21/12/2021 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh C, sinh năm 1981
Địa chỉ: Tổ D, ấp D, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là ấp D, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh)
Căn cước công dân số 0790.. cấp ngày 22/12/2021 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2025 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Phạm Thị Y trình bày như sau:

Bà Phạm Thị Y và ông Huỳnh Thanh C sống chung với nhau từ năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số 1/2008 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/6/2008.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc được 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C thường xuyên ăn nhậu về chửi bới rồi đánh đập vợ con, hai vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Vào tháng 11/2024, sau khi ông C đi nhậu về đã cầm tấm thớt định đánh bà Y, bà Y bỏ chạy thì ông C cầm tô cơm ném vào bà nhưng không trúng. Sau đó, bà Y và người con gái lớn tên Huỳnh Thị Kiều N bỏ nhà đến thuê nhà trọ ở xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh), không còn sống chung với ông C. Bà Y xác định mâu thuẫn giữa bà và ông C rất trầm trọng, không thể hòa giải đoàn tụ được, bà không còn tình cảm với ông C, không thể kéo dài cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Y yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Thanh C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kiều N, sinh ngày 11/12/2005 (đã trưởng thành) và Huỳnh Như Lê Tú U, sinh ngày 09/10/2009. Từ tháng 11/2024, sau khi mẹ bị cha đánh thì cháu Huỳnh Thị Kiều N cùng bà Y bỏ nhà đến thuê nhà trọ ở xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh), còn cháu Huỳnh Như Lê Tú U đến sống ở nhà chú ruột cách nhà 700m. Sau khi ly hôn, bà Phạm Thị Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Huỳnh Như Lê Tú U, không yêu cầu ông Huỳnh Thanh C cấp dưỡng nuôi con.

Bà Y trình bày không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên toà, bà Y vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến trình bày như trên.

Bị đơn là ông Huỳnh Thanh C trình bày:

Ông C xác nhận có vài lần đi nhậu về chửi mắng, đánh vợ nhưng đã xảy ra rất lâu rồi, hiện tại không còn nữa. Ông C cam kết sẽ thay đổi bản thân, sửa chữa lỗi lầm. Ông C khẳng định vẫn còn yêu thương vợ con, không muốn gia đình tan vỡ nên không đồng ý ly hôn với bà Y.

Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông C yêu cầu được trực tiếp nuôi con là cháu Huỳnh Như Lê Tú U và không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con. Ông C không chấp nhận giao con chung cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Ông C xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện việc cấp, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và tiến hành giải quyết vụ án đúng nhiệm vụ, quyền hạn, đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Đại diện Viện kiểm sát nhận định yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phạm Thị Y và ông Huỳnh Thanh C sống chung và có đăng ký kết hôn với nhau. Nay bà Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông C. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã A, Thành phố Hồ Chí Minh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Phạm Thị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Huỳnh Thanh C đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham dự phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị Y và ông Huỳnh Thanh C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn từ năm 2008. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số 1/2008 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/6/2008 thì có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông C là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy rằng cuộc sống chung giữa bà Y và ông C thực tế có xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẽ, trao đổi với nhau, không tôn trọng lẫn nhau, có dẫn đến xô xát với nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2024. Nay bà Y xác định không còn tình cảm với ông C, không thể hòa giải được, cuộc sống chung vợ

chồng không thể kéo dài và cương quyết yêu cầu được ly hôn. Ông C trình bày là còn yêu thương vợ con, không đồng ý ly hôn, nhưng chưa có biện pháp gì để thuyết phục được bà Y hàn gắn gia đình. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Y và ông C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y.

[3.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kiều N, sinh ngày 11/12/2005 (đã trưởng thành) và Huỳnh Như Lê Tú U, sinh ngày 09/10/2009. Khi ly hôn, bà Phạm Thị Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Huỳnh Như Lê Tú U, không yêu cầu ông Huỳnh Thanh C cấp dưỡng nuôi con. Ông C cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con

Căn cứ vào điều kiện làm việc, sinh sống của bà Y và ông C, nguyện vọng của trẻ Huỳnh Như Lê Tú U, Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay bà Y có công việc và nơi ở ổn định, cháu Huỳnh Như Lê Tú U có nguyện vọng được ở với mẹ. Nhằm để ổn định cuộc sống, ổn định tâm lý, đảm bảo cho con chung phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần thì giao con chung cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tốt hơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Y.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Y và ông Huỳnh Thanh C đều xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị Y phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Y được ly hôn với ông Huỳnh Thanh C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số 1/2008 ngày 27/6/2008 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Phạm Thị Y và ông Huỳnh Thanh C không còn hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kiều N, sinh ngày 11/12/2005 (đã trưởng thành) và Huỳnh Như Lê Tú U, sinh ngày 09/10/2009.

Giao con chung tên Huỳnh Như Lê Tú U cho bà Phạm Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ghi nhận bà Phạm Thị Y tự nguyện không yêu cầu ông Huỳnh Thanh C cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Y phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Y đã nộp theo biên lai số 0035177 ngày 12/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị Y đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Khu vực 6;
- THADS TPHCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Phước